



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1) Thông tin về học phần

- Tên Học phần: Khóa luận tốt nghiệp
- Tên tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp
- Tên tiếng Anh: Thesis
- Mã số Học phần: 000746
- Số tín chỉ: 10
- Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 4
- Học phần thuộc ngành: Công nghệ thực phẩm

2) Khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Bổ trợ <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
				Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

3) Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 0 tiết
- + Thực hành: 150 tiết
- + Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 45 tiết
- + Tự học: 300 tiết

4) Giảng viên phụ trách môn học:

ThS. Nguyễn Quốc Duy

5) Tài liệu học tập

❖ **Tài liệu/giáo trình chính, bắt buộc:**

Các bài báo khoa học trong nước và ngoài nước.

❖ **Tài liệu/ giáo trình tham khảo:**

6) Thông tin môn học

- *Mô tả vắn tắt nội dung Học phần*

Khóa luận tốt nghiệp là môn học quan trọng có vai trò tổng hợp và đúc kết những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo để ứng dụng vào việc thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể. Sau thời gian thực hiện, sinh viên sẽ tham gia bảo vệ trước hội đồng để nhận phản hồi về kết quả đề tài.

- *Điều kiện tiên quyết gồm:*

- + Môn học tiên quyết: Không
- + Môn học trước: Không

+ Môn học song hành: Không

7) Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần (KQHTMD)

- *Kết quả mong đợi cụ thể của giảng viên: Môn học nhằm:*

+ Dạy kiến thức về những phương pháp và cách vận dụng những kiến thức đã học trong việc quản lý, cải tiến và phát triển sản phẩm thực phẩm.

+ Rèn luyện kỹ năng thiết kế và thực hiện thí nghiệm để cải tiến và phát triển sản phẩm thực phẩm.

+ Hình thành thái độ học hỏi để cải thiện bản thân từ những hạn chế đã được xác định rõ trong quá trình học tập và nghiên cứu.

- *Chuẩn đầu ra môn học:*

Ký hiệu	KQHTMD của học phần (CLO) Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể	KQHTMD của CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Vận dụng các quy định, phương pháp và tiêu chuẩn trong việc quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm thực phẩm	PLO2
CLO2	Đề xuất những phương pháp, cách thức cải tiến chất lượng sản phẩm thực phẩm.	PLO3
Kỹ năng		
CLO3	Thiết kế một đề cương nghiên cứu giải quyết các vấn đề công nghệ trong sản xuất và bảo quản thực phẩm	PLO4
CLO4	Thực hiện đề cương nghiên cứu khoa học đã đề ra dựa trên cơ sở kiến thức và những phương pháp thực nghiệm	PLO7
CLO5	Sử dụng thành thạo thiết bị chế biến thực phẩm và các thiết bị phân tích để thực hiện các nghiên cứu khoa học nhằm mục tiêu phát triển và cải tiến các sản phẩm thực phẩm	PLO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CLO6	Nhận biết các hạn chế của bản thân về những kiến thức, năng lực cần có của người kỹ sư CNTP để tạo động lực học hỏi và nâng cao trình độ	PLO10

- *Sự đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho KQHTMD của CTĐT									
		PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈	PLO ₉	PLO ₁₀
000746	Khóa luận tốt nghiệp		M	M	M			M	M		M

8) Tóm tắt nội dung học phần

Tuần	Nội dung bài học	KQHTMD của học phần
1-4	Tổng quan tài liệu	CLO1 CLO2 CLO3
5-10	Thực hiện đề tài	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
11-12	Hoàn thiện báo cáo	CLO1 CLO2
13	Tham gia Hội thảo nghiên cứu khoa học – Trình bày poster và video clip	CLO6
14	Phản biện kết quả nghiên cứu	CLO6
15	Bảo vệ trước Hội đồng	CLO6

9) Phương pháp đánh giá

PPPs	Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (100%)	Khá (75%)	Trung bình (50%)	Kém (0%)	Ghi chú
Báo cáo + Thuyết trình	1.1 Trình bày kiến thức tổng quát về các quá trình công nghệ	10	Có đủ kiến thức cơ bản và nâng cao về các quá trình công nghệ	Có đủ kiến thức cơ bản về các quá trình công nghệ	Không đủ kiến thức cơ bản về các quá trình công nghệ	Không có kiến thức cơ bản về các quá trình công nghệ	
Báo cáo + Thuyết trình	2.1 Phân tích và đưa ra giải pháp giải quyết được những tình huống của đề tài	10	Phân tích để đánh giá bản chất của tình huống	Phân tích được tình huống đưa ra cách xử lý khả thi	Phân tích được tình huống	Không phân tích được tình huống đưa ra	
Báo cáo + Thuyết trình	2.2 Lựa chọn giải pháp tối ưu dựa trên những ràng buộc khác của hệ thống	10	Chọn giải pháp tối ưu nhất	Đưa ra giải pháp khá tối ưu	Đưa ra giải pháp ở mức độ chấp nhận được	Không đưa ra được giải pháp	
Báo cáo + Thuyết trình	3.1 Lựa chọn yếu tố ảnh hưởng để khảo sát	10	Lựa chọn >3 yếu tố ảnh hưởng phù hợp	Lựa chọn >3 yếu tố ảnh hưởng nhưng xuất hiện sự không phù hợp	Lựa chọn <3 yếu tố ảnh hưởng phù hợp	Không lựa chọn được	
Báo cáo + Thuyết trình	3.2 Lựa chọn mục tiêu nghiên cứu phù hợp	10	Lựa chọn >5 hàm mục tiêu phù hợp với tính cấp thiết của đề tài	Lựa chọn >5 hàm mục tiêu nhưng xuất hiện sự không phù hợp với tính cấp thiết của đề tài	Lựa chọn <5 hàm mục tiêu phù hợp với tính cấp thiết của đề tài	Không lựa chọn được	
Báo cáo +	4.1 Trình bày mục đích và phương	10	Có đủ kiến thức cơ bản và nâng	Có đủ kiến thức cơ bản về các mô hình	Không đủ kiến thức cơ bản về các	Không có kiến thức cơ bản về	

Thuyết trình	pháp của đề tài nghiên cứu		cao về các mô hình quy hoạch thực nghiệm	quy hoạch thực nghiệm	mô hình quy hoạch thực nghiệm	mô hình quy hoạch thực nghiệm	
Báo cáo + Thuyết trình	5.1 Thực hiện phương pháp phân tích các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm	10	Thực hiện trong thời gian ngắn và có độ chính xác cao	Thực hiện tốn thời gian vừa phải và có độ chính xác chấp nhận được	Thực hiện tốn nhiều thời gian và có độ chính xác chấp nhận được	Thực hiện tốn nhiều thời gian và có độ chính xác thấp	
Báo cáo + Thuyết trình	6.1 Viết báo cáo tổng hợp	10	Báo cáo rõ ràng, mạch lạc, có ít lỗi sai	Báo cáo khá rõ ràng, có ít lỗi sai	Báo cáo khá rõ ràng, có nhiều lỗi sai	Báo cáo không rõ ràng, có nhiều lỗi sai	
Poster + Video clip	6.2 Báo cáo poster và video clip	20	Tham gia đầy đủ, hình thức và nội dung sáng tạo	Tham gia đầy đủ, hình thức và nội dung phù hợp	Tham gia một trong hai nội dung	Không tham gia	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

(Dành cho Hội đồng đánh giá)

Tiêu chí đánh giá	Giỏi (8.5 – 10)	Khá (7.0 – < 8.5)	Trung bình (4.0 – < 7.0)	Không đạt (< 4.0)
Bố cục bài thuyết trình	<input type="checkbox"/> Rõ ràng, bố cục hợp lý, liên kết chặt chẽ với tên và ý	<input type="checkbox"/> Rõ ràng, bố cục khá hợp lý, liên kết khá tốt với tên	<input type="checkbox"/> Bố cục thiếu hợp lý, thiếu liên kết với tên và ý	<input type="checkbox"/> Bố cục không hợp lý

(20%)	nghĩa của đề tài	và ý nghĩa của đề tài	nghĩa của đề tài	
Nội dung trình bày (20%)	<input type="checkbox"/> Nội dung được trình bày một cách logic, mạch lạc, sinh động, liên kết chặt chẽ với tên và ý nghĩa của đề tài.	<input type="checkbox"/> Nội dung được trình bày một cách hợp lý, liên kết khá tốt với tên và ý nghĩa của đề tài.	<input type="checkbox"/> Trình bày nội dung thiếu logic, thiếu sự rõ ràng, thiếu liên kết với tên và ý nghĩa của đề tài	<input type="checkbox"/> Nội dung trình bày không bao hàm các kiến thức cần thiết về các vấn đề liên quan tới tên đề tài.
Kỹ năng trình bày (20%)	<input type="checkbox"/> Phong thái thuyết trình tự tin, sử dụng tốt các giao tiếp phi ngôn ngữ như giao tiếp bằng mắt, cử chỉ để truyền tải nội dung và liên kết với người nghe.	<input type="checkbox"/> Thuyết trình rõ ràng, sử dụng khá tốt các giao tiếp phi ngôn ngữ như giao tiếp bằng mắt, cử chỉ để truyền tải nội dung và liên kết với người nghe.	<input type="checkbox"/> Thuyết trình thiếu tự tin, rụt rè, lời nói không rõ ràng, ít sử dụng các giao tiếp phi ngôn ngữ như giao tiếp bằng mắt, cử chỉ để truyền tải nội dung và liên kết với người nghe.	<input type="checkbox"/> Thuyết trình hoàn toàn mất bình tĩnh, lúng túng.
Khả năng thuyết phục (20%)	<input type="checkbox"/> Hiểu rõ câu hỏi của Hội đồng, sử dụng khả năng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ cũng như logic để thuyết phục người nghe.	<input type="checkbox"/> Hiểu khá rõ câu hỏi của Hội đồng, sử dụng khả năng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ cũng như logic để thuyết phục người nghe.	<input type="checkbox"/> Hiểu một phần câu hỏi của Hội đồng, trả lời không đúng trọng tâm.	<input type="checkbox"/> Không hiểu câu hỏi của Hội đồng và không trả lời được.
Khả năng lập	<input type="checkbox"/> Trả lời rõ ràng, tập trung,	<input type="checkbox"/> Trả lời khá rõ ràng, có sự	<input type="checkbox"/> Trả lời ấp úng, thiếu rõ	<input type="checkbox"/> Trả lời ấp úng, không rõ ràng.

luận khi trả lời câu hỏi (20%)	có sự lập luận chặt chẽ. Thể hiện việc nắm vững kiến thức cơ bản chuyên sâu liên quan đến đề tài.	lập luận khá tốt. Thể hiện việc nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan tới đề tài.	ràng nhưng vẫn đưa ra được một phần thông tin phù hợp. Thiếu các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan tới đề tài	
Đánh giá chung				

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

(Dành cho Giáo viên hướng dẫn)

Tiêu chí đánh giá	Giỏi (8.5 – 10)	Khá (7.0 – < 8.5)	Trung bình (4.0 – < 7.0)	Không đạt (< 4.0)
Kiến thức (15%)	<input type="checkbox"/> Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực và đề tài nghiên cứu, có nền tảng phương pháp luận khoa học tốt.	<input type="checkbox"/> Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực và đề tài nghiên cứu, có nền tảng phương pháp luận khoa học tốt.	<input type="checkbox"/> Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực và đề tài nghiên cứu, nhưng còn thiếu nền tảng về phương pháp luận khoa học	<input type="checkbox"/> Thiếu kiến thức cơ bản. Không có kiến thức chuyên sâu
Kỹ năng giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Có khả năng tốt về việc vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Có khả năng khá tốt về việc vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề còn thiếu hợp lý	<input type="checkbox"/> Không giải quyết được vấn đề nghiên cứu

(15%)				
Kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập (10%)	<input type="checkbox"/> Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tốt; giao tiếp tốt với mọi người trong công việc	<input type="checkbox"/> Có khả năng làm việc khá độc lập và làm việc nhóm khá tốt; giao tiếp khá tốt với mọi người trong công việc	<input type="checkbox"/> Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tương đối tốt; giao tiếp còn hạn chế với mọi người trong công việc	<input type="checkbox"/> Hoàn toàn không có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tốt, giao tiếp không tốt với mọi người trong công việc
Tư duy phản biện (10%)	<input type="checkbox"/> Có tính sáng tạo cao, tư duy phản biện tốt	<input type="checkbox"/> Có tính sáng tạo, có tư duy phản biện khá tốt	<input type="checkbox"/> Có tính sáng tạo tương đối, tư duy phản biện còn yếu	<input type="checkbox"/> Hoàn toàn không có tính sáng tạo và tư duy phản biện
Kỹ năng hoạch định thí nghiệm (10%)	<input type="checkbox"/> Có kỹ năng tốt trong việc hoạch định công việc và giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Có kỹ năng khá tốt trong việc hoạch định công việc và giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Còn thiếu kỹ năng trong việc hoạch định công việc và giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/> Không hoạch định được công việc và không giải quyết được vấn đề
Tinh thần làm việc (20%)	<input type="checkbox"/> Năng động, luôn sẵn sàng tiếp thu một cách hiệu quả ý kiến của GVHD. Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ	<input type="checkbox"/> Năng động, tiếp thu một cách hiệu quả ý kiến của GVHD. Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ bạn	<input type="checkbox"/> Thiếu năng động, có tinh thần tiếp thu ý kiến của GVHD tương đối tốt. Có tinh thần hợp tác, hỗ trợ bạn chưa cao	<input type="checkbox"/> Không có tinh thần tiếp thu ý kiến của GVHD. Không hợp tác, hỗ trợ bạn
Thái độ làm việc (20%)	<input type="checkbox"/> Siêng năng, cầu tiến, chủ động trong công việc	<input type="checkbox"/> Khá siêng năng, cầu tiến, khá chủ động trong công việc	<input type="checkbox"/> Thiếu siêng năng, cầu tiến, thiếu chủ động trong công việc	<input type="checkbox"/> Lười biếng, thụ động trong công việc
Đánh giá chung				

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

(Dành cho Giáo viên phản biện)

Tiêu chí đánh giá	Giỏi (8.5 – 10)	Khá (7.0 – < 8.5)	Trung bình (4.0 – < 7.0)	Không đạt (< 4.0)
Tổng quan tài liệu (20%)	<input type="checkbox"/> Rõ ràng, súc tích. Thể hiện đầy đủ kiến thức liên kết chặt chẽ với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Khá rõ ràng, súc tích. Thể hiện khá đầy đủ kiến thức liên kết với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Khá rõ ràng. Còn thiếu kiến thức liên kết với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Lộn xộn, không bao hàm các kiến thức cần thiết về mục tiêu nghiên cứu.
Bố trí thí nghiệm (10%)	<input type="checkbox"/> Cách thức bố trí thí nghiệm hợp lý	<input type="checkbox"/> Cách thức bố trí thí nghiệm khá hợp lý	<input type="checkbox"/> Cách thức bố trí thí nghiệm thiếu hợp lý	<input type="checkbox"/> Cách thức bố trí và phương pháp thực hiện thí nghiệm không hợp lý và không phù hợp
Phương pháp thực hiện thí nghiệm (10%)	<input type="checkbox"/> Phương pháp thực hiện thí nghiệm phù hợp, liên kết chặt chẽ với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Phương pháp thực hiện thí nghiệm khá phù hợp, liên kết tốt với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Phương pháp thực hiện thí nghiệm thiếu sự liên kết chặt chẽ với mục tiêu nghiên cứu	<input type="checkbox"/> Phương pháp thực hiện thí nghiệm không phù hợp
Trình bày kết quả nghiên cứu (10%)	<input type="checkbox"/> Số liệu đầy đủ, trình bày rõ ràng, đúng quy cách, dễ hiểu	<input type="checkbox"/> Số liệu khá đầy đủ, trình bày đúng quy cách	<input type="checkbox"/> Số liệu chưa đầy đủ, trình bày khá đúng quy cách	<input type="checkbox"/> Không biết cách trình bày kết quả nghiên cứu
Độ tin cậy của kết quả nghiên	<input type="checkbox"/> Kết quả có độ tin cậy cao và	<input type="checkbox"/> Kết quả có độ tin cậy và có	<input type="checkbox"/> Kết quả có độ tin cậy và giá trị	<input type="checkbox"/> Kết quả không tin cậy.

cứu (10%)	có giá trị cao	giá trị khá tốt	tương đối tốt	
Nhận xét kết quả nghiên cứu (10%)	<input type="checkbox"/> Đưa ra các nhận xét về kết quả một cách phù hợp, đầy đủ	<input type="checkbox"/> Đưa ra các nhận xét về kết quả một cách khá phù hợp, khá đầy đủ	<input type="checkbox"/> Đưa ra nhận xét về kết quả thiếu đầy đủ và hợp lý	<input type="checkbox"/> Không nhận xét được số liệu thu được
Bàn luận kết quả nghiên cứu (15%)	<input type="checkbox"/> Giải thích hợp lý, có cơ sở khoa học rõ ràng. Có sự so sánh phù hợp với các nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực hoặc đề tài tương đương	<input type="checkbox"/> Giải thích khá hợp lý, có cơ sở khoa học. Có sự so sánh khá phù hợp với các nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực hoặc đề tài tương đương	<input type="checkbox"/> Thiếu lý luận chặt chẽ để giải thích kết quả. Ít so sánh với các nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực hoặc đề tài tương đương	<input type="checkbox"/> Không giải thích được số liệu thu được
Hình thức trình bày (15%)	<input type="checkbox"/> Trình bày đúng format quy định (font chữ, size, cách dòng, canh lề, đánh số trang). Rất ít lỗi chính tả và lỗi đánh máy	<input type="checkbox"/> Trình bày đúng format quy định (font chữ, size, cách dòng, canh lề, đánh số trang). Ít lỗi chính tả và lỗi đánh máy	<input type="checkbox"/> Trình bày khá đúng format quy định (font chữ, size, cách dòng, canh lề, đánh số trang). Khá nhiều lỗi chính tả và lỗi đánh máy	<input type="checkbox"/> Trình bày không theo format quy định. Nhiều lỗi chính tả và lỗi đánh máy
Trích dẫn tài liệu (5%)	<input type="checkbox"/> Tài liệu tham khảo có độ tin cậy cao, trích dẫn đầy đủ và đúng	<input type="checkbox"/> Tài liệu tham khảo có độ tin cậy, trích dẫn đầy đủ và đúng	<input type="checkbox"/> Tài liệu tham khảo có thiếu độ tin cậy, trích dẫn khá đầy đủ và đúng	<input type="checkbox"/> Tài liệu tham khảo không tin cậy hoặc hoàn toàn không trích dẫn tài liệu tham khảo
Đánh giá chung				

10) Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các lần đánh giá. Môn học đánh giá cuối quá trình với tỉ lệ phần trăm các tiêu chí theo nội dung mục 9) phương pháp đánh giá.

Điểm đạt tối thiểu: 4/10

11) Hoạt động khác

- *Hoạt động giảng dạy*

+ Project

+ Thảo luận

+ Thuyết trình

- *Hoạt động học tập*

+ SV tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan

+ SV tự kiểm tài liệu, tổng hợp tài liệu để tham gia thuyết trình và thảo luận nhóm

+ SV được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề (giả định nào đó) đặt ra

- *Nhiệm vụ của sinh viên*

+ Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 80% buổi học; đi học đúng giờ.

+ Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp lý thuyết.

+ Thái độ cầu thị, tôn trọng sở hữu trí tuệ và tuyệt đối tuân thủ các hướng dẫn quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm.

12) Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2020

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Thị Như Trang

ThS. Nguyễn Thị Vân Linh

ThS. Nguyễn Quốc Duy

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Nguyễn Quốc Duy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 331 Quốc lộ 1A, An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM	Điện thoại liên hệ: 19002039 (ext 409)
Email: nqduy@ntt.edu.vn	Trang web: https://kttpmt.ntt.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Văn phòng Khoa Kỹ thuật thực phẩm và môi trường	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	